

Bản án số: 23/2024/HS-PT

Ngày: 09-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đề

Ông Nguyễn Văn Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2024/HSPT, ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Th, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2023/HSST ngày 20/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Nguyễn Thị Th**, sinh ngày 09/3/1983, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1957; bị cáo không có chồng, có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/7/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Tô Thị Kiều U, sinh ngày 15/8/1967. Nơi cư trú: Số Z, khóm C, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Th và bà Tô Thị Kiều U (sinh năm 1967, nơi thường trú: số Z, khóm C, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh) có mối quan hệ quen biết từ năm 2013 cho đến nay. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, bà U đã 12 lần vay tiền của bị cáo Th với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)

thể hiện tại 12 (mười hai) giấy biên nhận, mức lãi suất do bị cáo đưa ra là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương 15%/tháng, tức 180%/năm. Bà U đóng lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày) cho bị cáo Th, cách thức đưa tiền lãi là bà U sẽ trực tiếp đưa hoặc nhờ người khác đưa tiền lãi tại nơi ở của bị cáo Th thuộc phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Quá trình vay mượn cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 29/7/2019, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 29/7/2019 đến ngày 30/12/2022, bà U đã đóng lãi được 41 tháng và 19 ngày, tức 1249 ngày, với số tiền đóng lãi là $100.000 \text{ đồng} \times 1249 \text{ ngày} = 124.900.000 \text{ đồng}$ (một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là $20.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365) \times 1249 = 13.687.671 \text{ đồng}$ (mười ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: $124.900.000 \text{ đồng} - 13.687.671 \text{ đồng} = 111.212.329 \text{ đồng}$ (một trăm mười một triệu hai trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

- Lần 2: Vào ngày 02/11/2019, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 02/11/2019 đến ngày 05/01/2023, bà U đã đóng lãi được 38 tháng và 20 ngày, tức 1160 ngày, với số tiền đóng lãi là $100.000 \text{ đồng} \times 1160 \text{ ngày} = 116.000.000 \text{ đồng}$ (một trăm mười sáu triệu đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là $20.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365) \times 1160 = 12.712.329 \text{ đồng}$ (mười hai triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: $116.000.000 \text{ đồng} - 12.712.329 \text{ đồng} = 103.287.671 \text{ đồng}$ (một trăm lẻ ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng).

- Lần 3: Vào ngày 05/7/2020, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 02/11/2019 đến ngày hết năm 2022, bà U đã đóng lãi được 30 tháng, tức 900 ngày, với số tiền đóng lãi là $100.000 \text{ đồng} \times 900 \text{ ngày} = 90.000.000 \text{ đồng}$ (chín mươi triệu đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là $20.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365) \times 900 = 9.863.014 \text{ đồng}$ (chín triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: $90.000.000 \text{ đồng} - 9.863.014 \text{ đồng} = 80.136.986 \text{ đồng}$ (tám mươi triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

- Lần 4: Vào ngày 14/7/2020, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 02/11/2019 đến ngày ngày 28/12/2022, bà U đã đóng lãi được 29 tháng 27 ngày, tức 897 ngày, với số tiền đóng lãi là 100.000 đồng x 897 ngày = 89.700.000 đồng (tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 20.000.000 đồng x (20%/365) x 897 = 9.830.137đồng (chín triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: 89.700.000 đồng – 9.830.137đồng = 79.869.863 đồng (bảy mươi chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

- Lần 5: Vào ngày 17/8/2020, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 17/8/2020 đến hết năm 2022, bà U đã đóng lãi được 28 tháng, tức 840 ngày, với số tiền đóng lãi là 100.000 đồng x 840 ngày = 84.000.000 đồng (tám mươi tư triệu đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 20.000.000 đồng x (20%/365) x 840 = 9.205.479 đồng (chín triệu hai trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: 84.000.000 đồng – 9.205.479 đồng = 74.794.521 đồng (bảy mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

- Lần 6: Vào ngày 19/10/2020, bà U vay bị cáo Th số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 30.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 150.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 19/10/2020 đến hết năm 2022, bà U đã đóng lãi được 26 tháng, tức 780 ngày, với số tiền đóng lãi là 150.000 đồng x 780 ngày = 117.000.000 đồng (một trăm mười bảy triệu đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 30.000.000 đồng x (20%/365) x 780 = 12.821.918 đồng (mười hai triệu tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: 117.000.000 đồng – 12.821.918 đồng = 104.178.082 đồng (một trăm lẻ bốn triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

- Lần 7: Vào ngày 24/10/2020, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 24/10/2020 đến hết năm 2022, bà U đã đóng lãi được 26 tháng, tức 780 ngày, với số tiền đóng lãi là 100.000 đồng x 780 ngày = 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng). Theo quy định, lãi suất

nhà nước cho phép là $20.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365) \times 780 = 8.547.945 \text{ đồng}$ (Tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: $78.000.000 \text{ đồng} - 8.547.945 \text{ đồng} = 69.452.055 \text{ đồng}$ (sáu mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

- Lần 8: Vào ngày 05/10/2020, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 05/10/2020 đến hết năm 2022, bà U đã đóng lãi được 27 tháng, tức 810 ngày, với số tiền đóng lãi là $100.000 \text{ đồng} \times 810 \text{ ngày} = 81.000.000 \text{ đồng}$ (tám mươi một triệu đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là $20.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365) \times 810 = 8.876.712 \text{ đồng}$ (Tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: $81.000.000 \text{ đồng} - 8.876.712 \text{ đồng} = 72.123.288 \text{ đồng}$ (bảy mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

- Lần 9: Vào ngày 27/11/2020, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 27/11/2020 đến ngày 30/10/2022, bà U đã đóng lãi được 23 tháng 12 ngày, tức 702 ngày, với số tiền đóng lãi là $100.000 \text{ đồng} \times 702 \text{ ngày} = 70.200.000 \text{ đồng}$ (bảy mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là $20.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365) \times 702 = 7.693.151 \text{ đồng}$ (bảy triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: $70.200.000 \text{ đồng} - 7.693.151 \text{ đồng} = 62.506.849 \text{ đồng}$ (sáu mươi hai triệu năm trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

- Lần 10: Vào ngày 23/02/2021, bà U vay bị cáo Th số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 10.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 50.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 23/02/2021 đến ngày 29/8/2022, bà U đã đóng lãi được 18 tháng 12 ngày, tức 552 ngày, với số tiền đóng lãi là $50.000 \text{ đồng} \times 552 \text{ ngày} = 27.600.000 \text{ đồng}$ (hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là $10.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/365) \times 552 = 3.024.658 \text{ đồng}$ (ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: $27.600.000 \text{ đồng} - 3.024.658 \text{ đồng} = 24.575.342 \text{ đồng}$ (hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

- Lần 11: Vào ngày 04/8/2021, bà U vay bị cáo Th số tiền 80.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương

đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 80.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 400.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 04/8/2021 đến hết năm 2022, bà U đã đóng lãi được 17 tháng, tức 510 ngày, với số tiền đóng lãi là 400.000 đồng x 510 ngày = 204.000.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 80.000.000 đồng x (20%/365) x 510 = 22.356.164 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: 204.000.000 đồng – 22.356.164 đồng = 181.643.836 đồng.

- Lần 12: Vào ngày 24/9/2021, bà U vay bị cáo Th số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng thì đóng lãi 5.000 đồng/1 ngày (tương đương với lãi suất 180%/năm). Như vậy với mức lãi vay 20.000.000 đồng thì tiền lãi mà bà U phải đóng mỗi ngày là 100.000 đồng. Bà U đóng tiền lãi theo chu kỳ 01 tháng (30 ngày)/01 lần. Từ ngày 24/9/2021 đến ngày 18/11/2022, bà U đã đóng lãi được 13 tháng 25 ngày, tức 415 ngày, với số tiền đóng lãi là 100.000 đồng x 415 ngày = 41.500.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Theo quy định, lãi suất nhà nước cho phép là 20.000.000 đồng x (20%/365) x 415 = 4.547.945 đồng (bốn triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Bị cáo Th thu lợi bất chính: 41.500.000 đồng – 4.547.945 đồng = 36.952.055 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Như vậy, đối với 12 lần mà bị cáo Nguyễn Thị Th cho bà Tô Thị Kiều U vay tiền đều có mức lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay). Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Th thu lợi bất chính từ việc cho bà Tô Thị Kiều U vay tiền là: 1.000.732.877 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng), toàn bộ số tiền này bị cáo Th đã tiêu xài cá nhân hết.

Bà U còn trình bày, vào tháng 02/2023 và tháng 03/2023, bà U còn tiếp tục đóng tiền lãi cho bị cáo Th với số tiền mỗi tháng là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng. Đến nay, bà U còn nợ tiền gốc của bị cáo Th là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

Bị cáo Th thừa nhận việc nhận tiền lãi của 12 khoản vay nêu trên, nhưng số tiền lãi 20.000.000 đồng vào tháng 02/2023 và 3/2023 thì bị cáo Th không có nhận từ bà U. Số tiền lãi thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với bà U thì bị cáo Th đã tiêu xài cá nhân hết.

Đối với số tiền lãi 20.000.000 đồng vào tháng 02/2023 và tháng 3/2023, qua quá trình điều tra, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thu thập tài liệu, chứng cứ, tiến hành đối chất giữa bà U và bị cáo Th, tuy nhiên chưa có cơ sở để xác định bị cáo có nhận số tiền lãi 20.000.000 đồng vào tháng 02/2023 và tháng 3/2023, vì vậy không xem xét xử lý đối với số tiền 20.000.000 đồng nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2024/HS - ST ngày 20/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/01/2024, bị cáo Nguyễn Thị Th kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền và xem xét lỗi suất bị cáo nhận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ tháng 6/2022 trở về trước, không phải nhận lãi của bà U đến hết tháng 12/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Th thừa nhận án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đúng với hành vi của bị cáo, không oan, không sai. Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng pháp luật. Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị Th 06 (sáu) tháng tù là đã đánh giá đúng tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với lỗi suất tại cơ quan điều tra bị cáo đã thừa nhận nhận lãi của bà U đến hết tháng 12/2022 Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cũng như tình tiết giảm nhẹ nào đặc biệt mới. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Th: Bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét xử hình phạt chính là phạt tiền, để bị cáo có thể lo con bị cáo vì con của bị cáo sinh năm 2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo là còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Th thừa nhận do quen biết nhau và cần tiền tiêu xài. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2021 bị cáo đã 12 lần cho bà Tô Thị Kiều U vay tiền, số tiền cho vay dao động

từ 10.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, với mức lãi suất vượt gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (180%/năm so với mức lãi suất cao nhất cho phép là 20%/năm). Tổng số tiền mà bị cáo Th đã cho bà U vay là 300.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.000.732.877 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên là phù hợp với quy định pháp luật không oan, không sai.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân, mọi hành vi cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính đều phải bị xử lý nghiêm; bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết cho vay lãi nặng là trái pháp luật; bị cáo đã lợi dụng người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn, cần tiền giải quyết công việc trong cuộc sống; bị cáo cho vay với mức lãi suất cao hơn 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, với các tình tiết giảm nhẹ trên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù là đảm bảo tính răn đe phòng ngừa và đảm bảo phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương trong tình hình cho vay lãi nặng trong thời gian qua. Đối với yêu cầu kháng cáo xem xét lại phần tiền lãi bị cáo chỉ thu từ tháng 6/2022 trở về trước, tuy nhiên, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố T thể hiện bị cáo đã nhận lãi của bà U đến hết tháng 12/2022 (BL 373, 575, 517-518). Tại phiên tòa hôm nay bị cáo trình bày các căn cứ xin được sửa án sơ thẩm từ hình phạt tù sang hình giảm nhẹ hình phạt tiền cũng như về phần tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính nhưng bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cũng như tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Từ những phân tích trên Hội đồng xét không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm phù hợp với tình tiết khách quan vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2024/HS- ST, ngày 23/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND Tp. Trà Vinh;
- VKSND Tp. Trà Vinh;
- CA Tp. Trà Vinh;
- CC THADS Tp. Trà Vinh;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến